

Số: /KSBT-DVTTYT

Bắc Giang, ngày tháng 8 năm 2024

THƯ MỜI

V/v báo giá trang thiết bị phục vụ lập dự toán gói thầu “Mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ chuyên môn năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang”

Kính gửi: Các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh trang thiết bị y tế

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-SYT ngày 19/01/2024 về việc giao dự toán NSNN năm 2024 (lần 1) của Sở Y tế tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Thông báo số 256/TB-UBND ngày 01/6/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Lê Ánh Dương tại cuộc họp tháo gỡ khó khăn trong công tác mua sắm thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng khoa học đơn vị ngày 06/8/2024 về việc thông qua danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật cơ bản của máy Siêu âm tổng quát đề nghị mua sắm năm 2024.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá trang thiết bị y tế để tham khảo, xây dựng giá dự toán mua sắm theo quy định tại Khoản 2, Điều 16, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ được công khai, minh bạch. Trung tâm trân trọng mời Quý đơn vị có đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế theo quy định của pháp luật, có đủ năng lực và kinh nghiệm gửi bản báo giá trang thiết bị y tế với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Bắc Giang.
Địa chỉ: Địa chỉ: số 45 Nghĩa Long, phường Trần Phú, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá: Tại Khoa Dược – VTYT, Trung Tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang. Địa chỉ: số 45 Nghĩa Long, phường Trần Phú, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang – Email: kiemsoatbenhtatbg@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp (hoặc qua bưu điện) tại địa chỉ: Bộ phận văn thư Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang; số 45 Nghĩa Long, phường Trần Phú, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (Đỗ Thị Hà, sđt 0976.099.656)

- Nhận qua email: kiemsoatbenhtatbg@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 13/08/2024 đến trước 17h00 ngày 23/08/2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày hết hạn báo giá.

6. Cam kết: Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

7. Lưu ý: Yêu cầu kỹ thuật và tính năng của thiết bị đề nghị báo giá là yêu cầu tối thiểu trang thiết bị phải đáp ứng. Các đơn vị báo giá có thể báo giá các thiết bị có đặc tính, tính năng và thông số kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn. Để đảm bảo công khai, minh bạch trong công tác tổ chức lựa chọn nhà thầu, trong chào giá đến Đơn vị các nhà thầu có thể ghi rõ các lưu ý trong trường hợp phát hiện các thông tin liên quan đến hàng hóa độc quyền hoặc các thông số kỹ thuật có thể dẫn đến hạn chế nhà thầu (*nêu rõ căn cứ*) để Chủ đầu tư xem xét trong lập hồ sơ mời thầu đảm bảo công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế cho gói thầu.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục, số lượng và yêu cầu tính năng – thông số kỹ thuật tối thiểu của trang thiết bị y tế được đề nghị mua sắm:

I.	Yêu cầu chung
	Máy siêu âm tổng quát: - Số lượng : 01 Bộ/ chiếc - Đủ điều kiện lưu hành hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành
	- Sản xuất năm 2023 trở về sau, mới 100%

	- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương
	- Điện áp: Phù hợp với điện áp phổ biến tại Việt Nam 230 - 240V; 50/60Hz
	- Môi trường làm việc: + Nhiệt độ tối đa lên tới 30°C ; + Độ ẩm tối đa tới 80%
II.	Cấu hình kỹ thuật:
1.	Máy chính dạng xe đẩy kèm phụ kiện tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 01 Chiếc
2.	Đầu dò Convex đa tần dùng cho thăm khám bụng, sản phụ khoa, niệu khoa...: 01 Chiếc
3.	Đầu dò Linear đa tần dùng cho thăm khám mạch máu, các bộ phận nhỏ, cơ xương khớp: 01 Chiếc
4.	Đầu dò phụ khoa dùng cho thăm khám sản phụ khoa, niệu khoa: 01 chiếc
5.	Đầu dò Tim dùng cho thăm khám tim, mạch máu ngoại vi...: 01 Chiếc
6.	Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh + Tiếng Việt: 01 Bộ
7.	Máy in nhiệt đen trắng chuyên dụng cho máy siêu âm kèm 01 cuộn giấy in: 01 chiếc
8.	Bộ máy vi tính: 01 Bộ
9.	Máy in màu A4: 01 Chiếc
10.	Bộ lưu điện online $\geq 2\text{KVA}$: 01 chiếc
11.	Gel siêu âm: ≥ 5 lít
12.	Phần mềm siêu âm: 01 Phần mềm doppler tim: 01
III	Tính năng kỹ thuật
	Máy siêu âm Doppler màu dùng cho thăm khám Ổ bụng, Sản khoa, Phụ khoa, các bộ phận nhỏ, Cơ xương khớp, Khám mạch máu, Tiết niệu, Nhi khoa, Tim mạch, Xuyên sọ, Âm đạo, Trực tràng
	Có các phương pháp quét: Convex điện tử; Linear điện tử, Sector điện tử
1.	Thân máy chính:
1.1	Các thông số của hệ thống:
	Thiết kế dạng xe đẩy, có ≥ 4 công đầu dò hoạt động
	Màn hình hiển thị: ≥ 21 inches, Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080$ điểm ảnh
	- Dung lượng ổ cứng trong: dung lượng ≥ 500 GB
	- Bộ nhớ ảnh trên ổ cứng: ≥ 290 GB
	- Bộ nhớ CINE: ≥ 380 MB
	- Độ lợi từng phần (TGC): 08 đoạn
	- Bàn phím: có đủ cả chữ và số.
1.2.	Các chế độ hoạt động:
	- B-mode
	- Hòa âm mô: mã hóa đảo pha
	- M-mode
	- M-mode màu
	- Mode dòng màu
	- Mode Doppler năng lượng và Mode Doppler năng lượng có định hướng

	- Mode Doppler xung với tần số lặp xung cao
	- Mode Doppler liên tục
1.3	Các kiểu hiển thị hình ảnh có:
	- Khả năng hiển thị đồng thời
	+ B+ PW/M
	+ B+CFM/PDI
	+ B+ CFM+M
	+ Real-time Triplex Mode (B +CFM/ PDI+PW)
	+ Dual B (B/B)
	- Định dạng hiển thị hình ảnh: $\geq 4 \times 4$
	- Thu phóng (ghi HD/đọc): $\geq 67X$
	- Hình ảnh màu hóa:
	+ Màu hóa mode B
	+ Màu hóa mode M
	+ Màu hóa mode PW
1.4	Chức năng tạo hình:
	Độ sâu hiển thị ảnh lên đến $\geq 33\text{cm}$ (phụ thuộc đầu dò)
	Tốc độ khung hình: tối đa ≥ 1750 Frame/s
	Số chùm tia siêu âm thu nhận đồng thời: ≥ 4
	Thang xám: ≥ 250 mức
	Kỹ thuật phát và thu nhận chùm tia siêu âm từ nhiều hướng (Hình ảnh phức hợp không gian): Tối đa ≥ 9 góc quét
	Kỹ thuật loại bỏ đốm sáng trên hình ảnh siêu âm với độ phân giải cao: Tối đa ≥ 8 mức
	Hình ảnh hòa âm mô: Dùng công nghệ đảo pha mã hóa
	Kỹ thuật phân tích dữ liệu thô
	Tự động liên tục tối ưu hóa hình ảnh
	Tự động tính toán phổ Doppler thời gian thực
	Chức năng mở rộng góc quét dạng convex: Có trên đầu dò Linear và Sector
	Chức năng mở rộng vùng quan sát
1.5.	Hậu xử lý: Các chức năng điều chỉnh các thông số với ảnh siêu âm gọi lại từ bộ nhớ lưu trữ hoặc ảnh dừng (Freeze)
	- Lọc nhiễu đốm
	- TGC
	- Màu hóa mode B và M
	- Trung bình khung (chỉ có cho vòng lặp)
	- Dải động
	- Bán đồ thang xám
	- Tốc độ quét
	- Độ khuếch đại hậu xử lý
	- Thay đổi đường nền
	- Đảo phổ
	- Nén

	- Triệt nhiễu
	- Màu hóa phổ
	- Định dạng hiển thị
	- Điều chỉnh góc
	- Độ khuếch đại toàn phần (vòng lặp động và tĩnh)
1.6.	Các thông số quét:
	- Thông số quét của Mode B :
	+ Dải động: Khoảng từ ≤ 36 đến ≥ 96 dB
	+ Trung bình khung: 8 bước
	+ Tần số: có thể lựa chọn tối đa 4 loại (Tùy thuộc đầu dò)
	+ Mật độ dòng: 5 – 7 bước tùy thuộc đầu dò
	+ Độ rộng hội tụ: 3 loại
	+ Số vùng hội tụ: 8
	+ Nén tín hiệu yếu: 6 bước
	+ Tăng bờ: 7 bước
	+ Triệt nhiễu: 6 bước
	+ Lọc nhiễu đốm: lên đến 08 mức
	+ Góc lái tia với đầu dò Linear: ± 12 độ, ± 15 độ (tùy thuộc đầu dò)
	- Thông số quét của Mode M :
	+ Độ khuếch đại: khoảng từ ≤ -20 dB đến ≥ 20 dB
	+ Triệt nhiễu: 6 bước
	+ Nén tín hiệu: 13 bước
	+ Tốc độ quét: 8 bước
	- Thông số quét của Mode dòng chảy màu:
	+ Nén nhiễu đốm sáng CF/PDI: 5 bước
	+ Độ khuếch đại: 0 đến ≥ 40 dB
	+ Góc lái tia CF/PDI: 0, ± 10 độ, ± 15 độ, ± 20 độ tùy thuộc đầu dò
	+ Kích thước gói: Khoảng 8 - 24, phụ thuộc vào đầu dò và ứng dụng
	+ Mật độ dòng: 5 bước
	+ Trung bình khung: 7 bước
	+ PRF: khoảng 0.1 đến ≥ 25 KHz
	+ Lọc không gian: 6 bước
	+ Lọc thành: 4 bước, phụ thuộc vào đầu dò và ứng dụng
	+ Tích lũy màu: 8 bước
	+ Bản đồ trong suốt: 5 bước
	+ Tần số CF/PDI: 5 bước (tùy thuộc đầu dò)
	- Thông số quét ảnh chế độ Doppler năng lượng PDI
	+ Góc lái tia CF/PDI: 0, ± 10 độ, ± 15 độ, ± 20 độ
	+ Kích thước gói: 8 - 24, phụ thuộc vào đầu dò và ứng dụng
	+ Lọc không gian: 6 bước
	+ Trung bình khung: 7 bước
	+ PRF: khoảng 0.1 đến ≥ 25 KHz
	+ Lọc thành: 4 bước, phụ thuộc vào đầu dò và ứng dụng
	+ Tích lũy màu: 8 bước
	+ Bản đồ trong suốt: 5 bước
	+ Tần số CF/PDI: 5 bước (tùy thuộc đầu dò)
	- Mode doppler xung (PW)

	+ Độ khuếch đại: 0 đến ≥ 80 dB
	+ PRF: khoảng ≤ 0.3 đến ≥ 25 KHz
	+ Lọc thành: khoảng 5.5~ 5000 Hz, 27 bước (phụ thuộc đầu dò)
	+ Nén tín hiệu: 0.5-2.4
	+ Tần số phát: ≤ 1.7 đến ≥ 10 MHz tùy thuộc đầu dò
	+ Thang vận tốc: 0.1 đến ≥ 7000 cm/s
	+ Kích thước công thể tích lấy mẫu: ≥ 12 loại
	+ Tốc độ quét: 8 bước
	+ Màu hóa: 6 loại
	+ Hiệu chỉnh góc Doppler: - 90 độ đến +90 độ
	+ Tự động viền đường bao phổ (Auto trace)
	+ Thay đổi đường nền: 11 bước
	- Hình ảnh hòa âm mô mã hóa
	+ Thể hiện trên tất cả các đầu dò
	+ Mật độ đường ảnh: 5 hoặc 6 bước, tùy đầu dò
	+ Zoom mật độ đường ảnh: 5 hoặc 6 bước, tùy đầu dò
	+ Nén nhiễu: 6 bước
	+ Tăng đường bờ: 7 bước
	+ Bản đồ thang xám: 6 hoặc 8 loại, tùy đầu dò và ứng dụng
	+ Bản đồ màu: 9 loại
	+ Độ khuếch đại: 0 – 90 dB
1.7	- Các chức năng đo đặc có
	Tự động tính toán các thông số Doppler thời gian thực
	+ Định tâm thu (PS)
	+ Cuối kỳ tâm trương (ED)
	+ Cực tiểu tâm trương (MD)
	+ Chỉ số PI
	+ Chỉ số RI
	+ Thời gian gia tốc AT
	+ Gia tốc ACC
	+ PS/ED
	+ ED/PS
	+ Nhịp tim HR
	+ TAMAX
	+ Giá trị tốc độ cực đại PVAL
	+ Lưu lượng dòng chảy (TAMEAN và diện tích mạch máu)
	- Đầy đủ các phép đo cơ bản: khoảng cách, chu vi, thể tích, diện tích, nhịp tim,...
	- Có các gói đo đặc tính toán trong siêu âm sản, phụ khoa
	- Các phép đo trong siêu âm mạch máu
	- Các gói đo đặc tính toán trong siêu âm tim
	- Các phép đo mode B, mode M, Mode Doppler,...
	- Đo và tính toán niệu khoa
1.8	- Các thông số kết nối
	- Khả năng kết nối: DICOM 3.0
	- Khả năng kết nối ngoại vi: CVBS, S-Video, VGA, HDMI, USB (4 cổng), Ethernet
2.	Các thông số của đầu dò:

	- Đầu dò Convex băng tần rộng:
	+ Dải tần: Từ ≤ 2.0 đến ≥ 5.0 MHz
	- (Là dải tần số thực của đầu dò, tần số thấp nhất của tần số Doppler và tần số cao nhất của tần số Harmonic)
	+ Số chân tử: ≥ 128
	+ Tần số B Mode: 4 bước
	+ Tần số Harmonic: 3 bước
	+ Tần số CFM/PDI/PWD: 4 bước
	Đầu dò Linear đa tần:
	+ Dải tần: ≤ 4.0 đến ≥ 13 MHz
	+ (Là dải tần số thực của đầu dò, tần số thấp nhất của tần số mode Doppler và tần số cao nhất của tần số Harmonic)
	+ Số chân tử: ≥ 128
	+ Tần số B Mode: 4 bước
	+ Tần số Harmonic: 4 bước
	+ Tần số Doppler: 3 bước
	Đầu dò phụ khoa:
	+ Dải tần được sử dụng: ≤ 4.0 đến ≥ 10.0 MHz (Là dải tần số thực của đầu dò bao gồm tần số thấp nhất của đầu dò Doppler, tần số cao nhất của tần số Harmonic)
	+ Số chân tử: ≥ 128
	+ Tần số hình ảnh B Mode: 3 bước
	+ Tần số hình ảnh Harmonic: 3 bước
	+ Tần số CFM/PDI/PWD: 3 bước
	Đầu dò Tim
	Dải tần số: 1.7 – 4.0 MHz.
	Số lượng chân tử: ≥ 64
	Máy vi tính
	+ Bộ vi xử lý Intel® Core™ i5-13400 hoặc tương đương;
	+ Mainboard: Chipset Intel B760 hoặc tương đương.
	+ Card đồ họa: Intel UHD Graphics 730 hoặc tương đương
	+ RAM: ≥ 16 GB DDR4
	+ Ổ cứng: ≥ 256 GB PCIe® NVMe™ M.2 SSD
	+ Bàn phím, chuột quang
	+ Màn hình: ≥ 23.8 inch; Tần số quét ≥ 75 Hz; Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080$ (Full HD), Góc nhìn: $178^\circ/178^\circ$
	Máy in màu A4
	Số lượng màu: ≥ 6 màu
	Khổ giấy tối đa: A4
	Độ phân giải: $\geq 5760 \times 1440$ dpi
	Mực in liên tục: có sẵn
	Tốc độ in: Tiêu chuẩn: ≥ 8 trang / phút (Trắng đen / Màu)
	In nháp: 22 trang / phút (Trắng đen / Màu)
	In ảnh: Lên đến 12 s/ảnh (Khổ 10×15)
	Kích thước giọt mực: 1.5pl
	Kết nối: USB 2.0, wireless (không dây)
	In trực tiếp CD: có

Máy in nhiệt đen trắng
+ Độ phân giải: ≥ 300 dpi
+ Khổ giấy in: 110 mm
+ In nhiệt
Bộ lưu điện ≥ 2KVA online

***Lưu ý:** Yêu cầu kỹ thuật và tính năng của thiết bị tại phụ lục kèm theo là yêu cầu tham khảo. Các đơn vị báo giá có thể báo giá các thiết bị có đặc tính, tính năng và thông số kỹ thuật tương đương.

Giá hàng hóa là giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí, chi phí lắp đặt, vận chuyển và các chi phí khác.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang - Số 45 Nghĩa Long, phường Trần Phú, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, DVTYT.
- Website đơn vị;
- Cổng thông tin tỉnh Bắc Giang

GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Thu Hà

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thư mời báo giá số /KSBT-DVTTYT ngày /8/2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang)

BÁO GIÁ TRANG THIẾT BỊ

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang

Chúng tôi, Công ty (Tên Đơn vị)....., có địa chỉ tại: Số điện thoại

Chúng tôi cam kết là đơn vị có tư cách pháp nhân độc lập, được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế theo quy định của pháp luật.

Căn cứ danh mục hàng hoá đề nghị báo giá của Quý Cơ quan, Chúng tôi báo giá đơn giá hàng hoá như sau:

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Model Hãng / Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1.	Máy siêu âm tổng quát						
2.	Máy in nhiệt đen trắng chuyên dụng cho máy siêu âm						
3.	Máy in màu						
4.	Bộ máy vi tính						
5.	Bộ lưu điện online						
Tổng giá trị thành tiền							

*** Khuyến nghị với Chủ đầu tư, danh mục và các thông số kỹ thuật có thể dẫn đến hạn chế nhà thầu:**

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật có thể dẫn đến hạn chế nhà thầu	Thông số kỹ thuật khuyến nghị đảm bảo tối thiểu có 03 hãng sản xuất đáp ứng	Tài liệu chứng minh các khuyến nghị của đơn vị báo giá là có căn cứ
1.				
2.				
..				
5				

Gửi kèm báo giá là:

1. Bản chụp Đăng ký kinh doanh của đơn vị (Đóng dấu treo của Công ty) kèm theo tài liệu chứng minh đơn vị báo giá đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế;
2. Bản chụp các tài liệu chứng minh tính hợp pháp của phần mềm; Catalog thể hiện thông số, đặc tính và các tính năng của hàng hóa (Đóng dấu treo của Công ty);
3. Các hợp đồng tương tự ký kết phần mềm quản lý y tế tương tự gói thầu này trong thời gian 01 năm trở lại đây (Bản chụp đóng dấu treo của Công ty).
4. Hiệu lực của báo giá tối thiểu là 90 ngày kể từ ngày báo giá.

....., ngày tháng năm 2024
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ
GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)